

**NGHỊ QUYẾT IX CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG
HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG**

GÓP PHẦN NHẬN DIỆN CƠ CẤU XÃ HỘI Ở NƯỚC TA QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI^(*)

PHẠM NGỌC QUANG ()**

ĐINH QUANG TY (*)**

Qua 20 năm đổi mới, cơ cấu xã hội nước ta đã có những thay đổi đáng kể theo chiều hướng tiến bộ, cả từ giác độ nhận thức lẫn giác độ thực tế. Tuy nhiên, cho đến nay, cơ cấu ấy vẫn chưa đáp ứng được những chuẩn mực của một cơ cấu xã hội hiện đại. Trong quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu ấy còn ít nhiều chịu ảnh hưởng của những yếu tố mang tính cố hữu của nền kinh tế tiểu nông, tâm lý của người sản xuất nhỏ, sự phân tầng xã hội không hợp thức, sự phân bố dân cư và cơ cấu lao động xã hội chưa hợp lý, nguồn lực con người chưa hội tụ đủ các tố chất cần thiết cho sự phát triển và hội nhập.

Trong thời kỳ trước đổi mới, ở nước ta tồn tại nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể với hai thành phần kinh tế chủ yếu: kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Kinh tế cá thể rất không đáng kể và được coi là đối tượng cần cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trên nền tảng kinh tế đó, hình thành cơ cấu xã hội giản đơn - "hai giai, một tầng" ("hai giai": chỉ có giai cấp công nhân và giai cấp nông dân; "một tầng": tầng lớp trí thức). Bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta đã và đang chuyển dần nền kinh tế đó sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế này ở nước ta được dựa trên 3 chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), từ đó, xuất hiện 3 hình thức sở hữu tương ứng là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Các hình thức sở hữu đó được vận hành trong một nền kinh tế có 6 thành phần: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Sự biến đổi của cơ cấu kinh tế tất yếu dẫn tới sự biến đổi của cơ cấu xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp.

Qua 20 năm đổi mới, cơ cấu xã hội nước ta đã có những thay đổi đáng kể theo chiều hướng tiến bộ - cả từ giác độ nhận thức lẫn giác độ thực tế. Về nhận thức, cùng với quan niệm truyền thống thường chỉ quy giản cơ cấu xã hội vào cơ cấu xã hội - giai cấp, dần dần đã hình thành quan niệm mới, theo đó, xã hội được hiểu và thừa nhận là một hệ thống đa cơ cấu. Cơ cấu xã hội - giai cấp tuy vẫn được coi là giữ vị trí then chốt, song các phân hệ cơ cấu xã hội khác cũng đã được chú trọng. Trên thực tế, cơ cấu xã hội mới đang hình thành và bắt đầu phát huy tác dụng, kích thích tính tích cực xã hội của người lao động, góp phần tạo ra sự liên kết và thống nhất trong hoạt động kinh tế - xã hội, thúc đẩy việc nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới cơ chế quản lý và vận hành kinh tế. Không khí dân chủ, phấn khởi, đoàn kết

(*) Bài này có sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài: "Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn" do Giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng làm Chủ nhiệm, Giáo sư, tiến sĩ Phạm Ngọc Quang làm Thư ký.

(**) Giáo sư, tiến sĩ, Hội đồng Lý luận Trung ương.

(***) Tiến sĩ.

nhất trí trong các bộ phận cấu thành cơ cấu xã hội ngày càng được nâng cao. Lòng tin của các bộ phận cấu thành đó đối với Đảng, đối với chế độ ngày càng vững chắc hơn.

Tác động của các chính sách kinh tế và chính sách xã hội theo đường lối đổi mới đã làm cho các phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản của nước ta có những chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tiến bộ, từ cơ cấu tổ chức xã hội - giai cấp đến cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - dân số, cơ cấu xã hội - dân tộc và cơ cấu xã hội - lãnh thổ. Dưới đây, chúng tôi chỉ đề cập một số nhân tố trong hệ thống các cơ cấu đó

Giai cấp công nhân có những biến đổi cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2001, đội ngũ công nhân, viên chức và lao động nước ta là trên 10,8 triệu người. Trong đó, công nhân trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế là trên 4,53 triệu (nam: 57%; nữ 43%), chiếm 5,68% tổng dân số và 11,86% lao động cả nước, bao gồm: trong doanh nghiệp nhà nước là 1,85 triệu; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 0,6 triệu; doanh nghiệp ngoài nhà nước là 1,4 triệu; các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể là 0,68 triệu. Đây là lực lượng nòng cốt của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế và cơ cấu kinh tế, giai cấp công nhân có sự chuyển đổi cơ cấu khá rõ nét, theo hướng tăng số lượng công nhân trong sản xuất công nghiệp, với con số tuyệt đối là 2,56 triệu (57%); trong thương nghiệp, dịch vụ là 0,89 triệu (20%); trong xây dựng, giao thông vận tải, bưu điện là 0,79 triệu (17%); trong các ngành nông, lâm, thuỷ sản là 0,28 triệu (6%).

Cơ cấu bên trong của giai cấp công nhân trong 20 năm qua cũng có những biến đổi theo cơ cấu thành phần kinh tế.

Công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, số lượng các doanh nghiệp và công nhân ở khu vực này đã giảm đáng kể. Khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, số lượng doanh nghiệp khoảng 14.000 xí nghiệp, công ty với trên 3 triệu công nhân, năm 2002 chỉ còn 5.231 doanh nghiệp với 1,85 triệu công nhân. Đến năm 2002, có 900 doanh nghiệp nhà nước hoặc bộ phận doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hoá và tính đến cuối tháng 6 năm 2005 đã có 2.384 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá.

Công nhân ngoài khu vực kinh tế nhà nước. Trước năm 1986 và những năm đầu đổi mới, khu vực này gần như rơi vào trạng thái ngưng trệ, nhưng những năm gần đây đã phát triển khá nhanh. Năm 1995 có 17.143 doanh nghiệp với gần 500.000 công nhân, năm 2002 có xấp xỉ 50.000 doanh nghiệp ngoài nhà nước (gồm 3.853 hợp tác xã, 18.733 công ty trách nhiệm hữu hạn, 1.989 công ty cổ phần, 24.903 doanh nghiệp tư nhân) với 1,4 triệu công nhân⁽¹⁾. Tuy nhiên, các doanh nghiệp ngoài nhà nước chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, chỉ có một số rất ít có quy mô sử dụng lao động từ 500 đến 1000 công nhân.

Công nhân khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Khu vực này thu hút khoảng 600.000 lao động trong hơn 2.000 doanh nghiệp (có 466.000 công nhân làm việc trong 1.337 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài). Đa số công nhân trong khu vực này làm việc ở các ngành sản xuất tiên tiến so với trình độ chung về công nghệ ở nước ta hiện nay (hơn 545.000 công nhân).

Năm 2001, công nhân khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã sản xuất ra giá trị

(1) Tổng cục Thống kê. *Kết quả sơ bộ điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp năm 2002*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002.

tổng sản phẩm là 63.524 tỉ VND; năm 2002 là 69.638 tỉ VND (13% tổng giá trị sản phẩm trong nước). Riêng ngành công nghiệp, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp 40 - 50% giá trị sản xuất, nắm giữ 42 - 47% vốn sản xuất và tài sản cố định toàn ngành ở nước ta.

Công nhân Việt Nam lao động ở nước ngoài. Số công nhân Việt Nam lao động ở nước ngoài có xu hướng tăng dần: năm 1999: 21.800 người; năm 2000: 31.500 người; năm 2001: 37.000 người; năm 2002: 46.000 và năm 2003 là khoảng 70.000 người(2); số liệu thống kê mới nhất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, tính đến giữa năm 2005, tổng số lao động và chuyên gia Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài là khoảng 400.000 người. Trong số này, những người làm việc ở các dây chuyền công nghệ hiện đại có điều kiện để nâng cao trình độ tay nghề và được rèn luyện tác phong lao động công nghiệp; những người làm dịch vụ cá nhân trong các gia đình thì thuần túy chỉ là lao động chân tay, giản đơn. Số người này khó có thể nói đến việc rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân.

Công nhân dư dôi (trong đó có một tỷ lệ đáng kể bị thất nghiệp). Năm 1998 là 52.000 người; 1999 là 60.000 người; 2001 là 100.000 người; năm 2003 là 150.000 người. Quá trình tiếp tục cổ phần hoá và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước từ năm 2004 đến giữa năm 2005 cũng đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc đối với số công nhân dư dôi.

Giai cấp nông dân cũng có sự thay đổi khá rõ. Nông dân tập thể theo kiểu hình thức, về cơ bản, không còn; số lao động thuần nông ngày càng giảm. Cơ cấu tổng thể của giai cấp nông dân hiện nay gồm: chủ trang trại, nông dân sản xuất cá thể (theo kinh tế hộ gia đình), nông dân làm thuê, xã viên kiểu mới của các hợp tác xã kiểu mới. Số lượng và cơ cấu nội bộ của giai cấp nông dân trong thời kỳ đổi mới vừa qua

biến động khá mạnh cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần và trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Một số lượng không nhỏ nông dân trở thành công nhân công nghiệp, công nhân nông nghiệp,...

Giai cấp nông dân là giai cấp có sự phân hoá mạnh nhất trong 20 năm qua. Một bộ phận khá lớn làm thuê theo mùa vụ; một số khác thành thợ tiểu thủ công ở những địa bàn có những làng nghề truyền thống được phục hồi và phát triển; một tỷ lệ nhỏ (so với tổng số nông dân hiện có) vươn lên thành chủ trang trại, trong đó có những người đã trở thành tỷ phú nhờ biết cách ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và thích ứng với cơ chế thị trường. Bên cạnh đó, một số nông dân bị mất hết ruộng đất, trở thành người chuyên làm thuê với cuộc sống rất khó khăn do thu nhập quá thấp và việc làm không ổn định; một số khác rơi vào tình trạng bần cùng do không có năng lực tổ chức sản xuất hoặc rơi vào tệ nạn cờ bạc, rượu chè...

Điều đáng lưu ý là, cho đến nay, hầu hết nông dân nước ta chưa có đủ kiến thức, kinh nghiệm, tiền vốn và các điều kiện cần thiết khác để làm chủ các thành tựu khoa học - kỹ thuật và thích ứng linh hoạt với sự biến động thường xuyên của thị trường.

Sự biến động về cơ cấu dân cư ở khu vực nông thôn trong những năm qua chủ yếu diễn ra theo hai xu hướng chính: *một là*, dồn về các đô thị và khu công nghiệp để tìm kiếm việc làm; *hai là*, dân cư từ các tỉnh phía Bắc di cư tự do vào các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, nơi có thể khai thác các nguồn lợi từ đất. Ngoài ra, một số lượng nhỏ người lao động được xuất khẩu sang các nước.

Tầng lớp trí thức có sự tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Những người có trình độ từ đại học trở lên, số lượng sinh

(2) *Niên giám thống kê.* Nxb Thống kê, Hà Nội, 2004.

viên và số người đi học trong dân cư tăng rõ rệt. Tính đến giữa năm 2005, tầng lớp trí thức nước ta có khoảng gần 2 triệu người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên; trong đó có gần 14 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 531 giáo sư, 2.544 phó giáo sư và khoảng 16 nghìn cán bộ khoa học có trình độ thạc sĩ. Trong các thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước 20 năm qua có sự đóng góp quan trọng của đội ngũ trí thức. Việc cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ trực tiếp cho quá trình hoạch định đường lối, chính sách đổi mới và việc chuyển giao các công nghệ mới, nhất là việc hình thành các cơ cấu và phương pháp sản xuất, kinh doanh mới đều trực tiếp gắn liền với những đóng góp của đội ngũ trí thức.

Ngoài việc cung cấp các luận cứ khoa học để Đảng và Nhà nước xây dựng chủ trương, đường lối và chính sách đổi mới, đội ngũ trí thức còn đóng vai trò phản biện cho các chương trình, dự án, kế hoạch và trực tiếp tham gia tổ chức, đưa các chủ trương, chính sách đó vào cuộc sống.

Tuy vậy, về năng lực, đội ngũ trí thức nước ta còn chưa ngang tầm với nhiệm vụ phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Mặt khác, cũng phải thấy rằng, nhiều cơ chế, chính sách còn chưa thông thoáng để giúp cho trí thức có thể tận tâm với công việc và sống bằng chính chuyên môn của mình.

Tầng lớp doanh nhân là "con đẻ" của đường lối đổi mới, được thúc đẩy mạnh mẽ bởi chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trực tiếp là chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm.

Tầng lớp doanh nhân là sản phẩm tất yếu, là bộ phận hữu cơ và có vai trò ngày càng quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đồng thời sẽ là một trong những lực lượng chính yếu trong quá trình hội nhập rộng và

sâu hơn của nền kinh tế nước ta vào thị trường khu vực và toàn cầu. Không có doanh nhân thì không có hoạt động sản xuất, kinh doanh - và như thế, cũng không có kinh tế thị trường.

Cùng với quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tầng lớp doanh nhân đã góp phần giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tham gia tích cực vào việc thực hiện các chủ trương xã hội hoá y tế, văn hoá, giáo dục...

Xét riêng trong hoạt động đầu tư ở nước ta từ năm 2001 đến cuối năm 2004 và đầu 2005, có thể thấy rõ hơn vai trò của tầng lớp doanh nhân: đầu tư của khu vực dân doanh tăng lên nhanh chóng về tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, từ 22,6% năm 2001 lên đến 28,7% năm 2004 (trong khi đó, tỷ trọng đầu tư từ ngân sách của Nhà nước giảm nhẹ trong 3 năm liền, trừ năm 2004 tăng chút ít; tỷ trọng tín dụng đầu tư có xu hướng giảm, năm 2001: 18,3%, đến năm 2004 còn 10,3%; đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2001 chiếm tỷ lệ 18,5%, năm 2004 chỉ còn 14%; các nguồn vốn khác thì không ổn định và phụ thuộc nhiều vào các nhà tài trợ...). Kể từ khi Luật Doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực (đầu năm 2000) cho đến cuối tháng 6 năm 2005, các doanh nghiệp dân doanh đã huy động được nguồn vốn lớn, lên tới 15 tỷ USD (tính theo số vốn đăng ký). Như vậy, từ sự so sánh về cơ cấu các chỉ số kinh tế vĩ mô đã nêu, có thể khẳng định rằng, đội ngũ doanh nhân làm ăn theo đúng pháp luật đang có những đóng góp tích cực nhất trong việc thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển.

Tuy vậy, tầng lớp doanh nhân nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém: vốn ít, quy mô đầu tư nhìn chung còn nhỏ, do mới được cọ sát với cơ chế thị trường chưa lâu nên trình độ làm chủ các công nghệ mới

và trình độ quản lý còn rất hạn chế, số người đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất còn ít; một số chưa thực hiện tốt những quy định của pháp luật đối với người lao động, hoặc trốn lậu thuế, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép...

Tầng lớp tiểu chủ và những người kinh doanh nhỏ từ năm 1988 đến nay phát triển rất nhanh, cả ở thành thị và nông thôn, do được Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ những điều kiện cần thiết. Xét về nguồn gốc, tầng lớp này đa phần vốn là công nhân, viên chức dư dôi trong quá trình tinh giản biên chế, một số khác vốn là nông dân, nhờ có cơ chế đa dạng hoá ngành nghề của Nhà nước mà chuyển sang làm các nghề thủ công hoặc buôn bán, dịch vụ... Hoạt động sản xuất kinh doanh của tầng lớp này tuy còn nhiều hạn chế, nhất là quy mô đầu tư nhỏ, phân tán, manh mún; nhưng trong chừng mực nhất định, đã và đang góp phần giải quyết nhu cầu tiêu dùng của xã hội theo những hình thức khá đa dạng và linh hoạt.

Nhìn về xu hướng, từ các loại hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của tầng lớp tiểu chủ, cá thể và những người buôn bán nhỏ, dần dần sẽ hình thành các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp và sẽ có một bộ phận trở thành doanh nhân có khả năng mở rộng quy mô đầu tư theo các ngành nghề khác nhau.

Những người có công là một bộ phận mang tính đặc thù trong cơ cấu xã hội nước ta. Trước đổi mới, tuy điều kiện kinh tế của đất nước còn rất khó khăn, bộ phận này đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta quan tâm chăm sóc. Trong 20 năm đổi mới vừa qua, Đảng và Nhà nước ta càng quan tâm nhiều hơn đến việc thực hiện chính sách ưu đãi xã hội, vận động nhân dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, người được hưởng chính sách xã hội.

Tính đến tháng 6 năm 2005, cả nước có hơn 8 triệu người có công đã và đang hưởng chế độ ưu đãi, trong đó có 1,5 triệu người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng, gồm các bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ... Hằng năm, Nhà nước dành hàng nghìn tỷ đồng (năm 2004 là 4000 tỷ đồng, năm 2005 là 5.832 tỷ đồng) chăm lo đời sống đối tượng chính sách, kết hợp phong trào tình nghĩa ở các cộng đồng xã hội, bảo đảm cuộc sống của người có công bằng hoặc khá hơn mức sống của nhân dân địa phương nơi cư trú.

Một số người làm giàu phi pháp là một thực thể biểu hiện cho sự phân tầng không hợp thức của cơ cấu xã hội nước ta trong khoảng gần 20 năm trở lại đây. Mặc dù cho đến nay, chưa có một cuộc điều tra chính thức nào, nhưng dư luận xã hội và các thông tin đại chúng về các vụ án kinh tế nổi cộm cho thấy một thực thể rất nhức nhối bởi sự tác hại, lũng đoạn của nhóm người làm giàu phi pháp. Đây là hiện tượng kinh tế ngầm đang làm đảo lộn quan hệ phân phối, tập trung thu nhập bất hợp pháp rất cao vào một nhóm ít người, lại không được kiểm soát hoặc nếu có thì quá sơ hở, lỏng lẻo, làm cho bức tranh phân tầng xã hội về thu nhập và mức sống bị sai lệch nghiêm trọng và lợi ích của nhóm người này đối kháng với lợi ích của toàn xã hội. Nhóm làm giàu phi pháp đã và đang tồn tại dưới hai dạng chính:

Một là, những kẻ buôn gian, bán lận, đầu cơ, lừa đảo... coi thường pháp luật hoặc lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trục lợi và giàu lên rất nhanh.

Hai là, những kẻ dựa vào vị thế hay quyền lực để đục khoét tài sản của Nhà nước và nhân dân (bọn tham nhũng), nhất là trong lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, xuất nhập khẩu, tài chính doanh nghiệp nhà nước, tài chính công, dự án viện trợ quốc tế...

Như vậy, mặc dù còn không ít vấn đề phức tạp, nhưng với tác động của đường lối

đổi mới và mở cửa, cơ cấu xã hội nước ta đã có sự tiến bộ rõ nét. Sự cơ động xã hội diễn ra mạnh mẽ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, trong mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội và thậm chí trong từng con người. Các bộ phận bên trong cơ cấu xã hội nước ta đang vận động, phát triển theo hướng tiến tới những chuẩn mực hiện đại cùng với quá trình phát triển của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn của nước ta.

Tuy nhiên, cho đến nay, cơ cấu xã hội nước ta chưa đáp ứng được những chuẩn mực của một cơ cấu xã hội hiện đại; những đặc tính của một xã hội nông nghiệp cổ truyền, những căn tính tiểu nông còn khá phổ biến. Ở đây, cần phải thẳng thắn chỉ ra những mặt trái vẫn hiện hữu bên trong xã hội nước ta và đang cản trở quá trình phát triển của xã hội ta hội nhập với thế giới.

Thứ nhất, ảnh hưởng của những yếu tố mang tính cố hữu của nền nông nghiệp lúa nước phân tán, manh mún và của văn hoá làng xã (mà nhìn sâu hơn, theo cách phân tích của C.Mác - đó là những đặc tính của “phương thức sản xuất châu Á”). Có nhà nghiên cứu cho rằng: “Do những đặc trưng lịch sử, văn hoá, địa lý, Việt Nam không có mặt trong cuộc cách mạng xanh của nhân loại, mặc dù là nước nông nghiệp, đứng ngoài cuộc cách mạng công nghiệp mà các quốc gia tiên tiến đã thực hiện ở thế kỷ trước. Có thể khẳng định, nền văn minh làng xã mang nặng ý nghĩa và giá trị bao nhiêu trong việc xây dựng một bản sắc văn hoá Việt Nam, trong sự cố kết bền vững chống ngoại xâm và chinh phục thiên nhiên thì lại trở thành một lực cản cho sự tiếp nhận những cái mới, cái mạnh bạo, cái năng động và tiến bộ bấy nhiêu”(3).

Thứ hai, những khuyết tật nhìn từ góc độ tâm lý xã hội. Những khuyết tật này vừa là “di chứng” của xã hội tiểu nông, vừa là hậu quả mới nảy sinh từ những mặt trái của cơ chế thị trường đang hình thành ở nước ta, và nhất là do những bất cập về

cách thức tổ chức, quản lý kinh tế và xã hội đang ở trạng thái chuyển đổi. Đây cũng là những lực cản đáng kể đối với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá(4). Nhìn cụ thể hơn, phải thừa nhận rằng, những năm gần đây, thói hám danh lợi theo kiểu thực dụng thái quá đang có xu hướng trở dậy một cách tự phát trong một số người và thậm chí bùng nổ khá mạnh ở những nhóm xã hội nhất định. Mặt khác, tâm lý thích làm thầy, làm quan, kỳ thị buôn bán, ngại lao động chân tay vốn dĩ đã hình thành lâu đời ở Việt Nam, nay vẫn bám chặt vào một bộ phận không nhỏ lớp người trẻ tuổi. Nhược điểm này một phần do nền giáo dục của ta vẫn nặng nề theo lối khoa cử và bằng cấp hình thức, ít coi trọng thực lực; hơn nữa, lại làm sai lệch nghiêm trọng động cơ của người học khi hầu như chỉ hướng họ tới việc chuẩn bị để làm việc trong các cơ quan được Nhà nước cấp ngân sách và ở khu vực đô thị. Những lệch lạc này của hệ thống giáo dục hiện có của nước ta, vô hình trung đã khuyến khích tâm lý ngại những công việc đồng áng và làm nghề, đang tạo ra những cản trở to lớn cho một nước còn nghèo mà buộc phải phát triển nhanh trước áp lực khách quan của toàn cầu hoá và kinh tế tri thức(5). Ngoài ra, còn phải lưu ý đến và tìm cách khắc phục càng sớm càng tốt nhiều vấn đề bất ổn khác(6): bệnh đạo đức giả đang có chiều hướng lây lan rộng, và điều nguy hiểm là

(3) PGS.TS. Trần Cao Sơn. *Môi trường xã hội nền kinh tế tri thức – những nguyên lý cơ bản* (Sách chuyên khảo – chuyên ngành Xã hội học tri thức). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr.109 – 110.

(4) Xem: Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Tâm lý người Việt Nam đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá - những điều cần khắc phục*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.57, 161.

(5) Xem: P.Michael Todaro. *Kinh tế học cho thế giới thứ ba*. (Chương 13: “Thất nghiệp: những khía cạnh của một vấn đề toàn cầu”, Chương 18: “Giáo dục và phát triển: các vấn đề và sự lựa chọn”). Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1988.

(6) Xem: Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Sdd.*, tr.83, 131.

cái thật, cái giả không những lẫn lộn trong lĩnh vực tinh thần, mà còn len lỏi cả trong cơ chế quản lý hành chính nhà nước; đó còn là lối sống thực dụng thô thiển và sự suy giảm giá trị đạo đức do chủ nghĩa cá nhân, làm giàu bằng mọi giá, pháp luật không nghiêm, kỷ cương xã hội bị buông lỏng; tình trạng bảo thủ, trì trệ, chậm đổi mới còn ở không ít người trong xã hội; tâm lý tự ti, mặc cảm; tư duy manh mún; tính cục bộ; tính thụ động, cầu may, ăn xổi; tác phong tùy tiện, ý thức kỷ luật kém còn khá phổ biến trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và công chức...

Thứ ba, sự phân tầng xã hội không hợp thức đang diễn ra với mức độ ngày càng phức tạp, trong khi các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục xu hướng này đã và đang áp dụng lại chỉ đạt kết quả rất hạn chế. Đây là sự phân tầng xã hội không dựa trên sự khác biệt tự nhiên giữa các cá nhân, cũng không chủ yếu được tạo ra do sự khác nhau về tài đức và sự cống hiến một cách thực tế của mỗi người cho xã hội. Trên thực tế, ở nước ta trong gần 20 năm qua, đó là sự phân tầng dựa vào những hành vi trái pháp luật, tham nhũng, lừa gạt, trộm cắp, buôn bán phi pháp để trở nên giàu có, luồn lọt, xu nịnh để có vị trí cao trong xã hội hoặc rơi vào nghèo khổ, hèn kém do lười biếng, ỷ lại(7).

Thứ tư, sự phân bố dân cư, cơ cấu lao động xã hội còn lệ thuộc đáng kể vào một nền nông nghiệp nhỏ với trên 70% dân số hiện vẫn đang sống ở nông thôn và khoảng 65% lực lượng lao động làm nông nghiệp; mặt khác, tính chất tự cung tự cấp còn khá phổ biến ở các vùng nông thôn, nhất là ở những nơi hẻo lánh; tình trạng di dân diễn ra tự phát, trong khi việc quy hoạch, xây dựng các đô thị vốn có và mới, các khu công nghiệp tập trung chưa được tính toán hợp lý với sự phân bố dân cư và chuyển dịch cơ cấu lao động

Thứ năm, những tố chất cần thiết cho sự phát triển và hội nhập vững vàng tính theo các chỉ số cơ bản của con người Việt Nam hiện nay cũng đang ở tình trạng tụt hậu khá xa so với nhiều nước châu Á và nhất là so với các nước phát triển: chỉ số phát triển người (HDI) năm 2004 chỉ đạt 0,691 - xếp 112/177 nước được thống kê. Chỉ số đánh giá về trí tuệ, trình độ ngoại ngữ, khả năng thích ứng với điều kiện tiếp nhận khoa học và công nghệ của thanh niên nước ta ở thời điểm đầu năm 2005 còn rất thấp (trí tuệ: 2,3/10; ngoại ngữ: 2,5/10; khả năng thích ứng với điều kiện tiếp cận khoa học công nghệ: 2/10). Chỉ số chất lượng nguồn nhân lực cũng chỉ đạt 3.79/10 - đứng thứ 11/12 nước được xếp hạng tại châu Á(8)...

Với thực trạng đó, có thể khẳng định rằng, chỉ trên cơ sở tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách kinh tế - xã hội, cơ chế quản lý kinh tế - xã hội... theo hướng thúc đẩy sự ra đời một cơ cấu xã hội thích ứng tốt hơn với đòi hỏi "đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với từng bước phát triển kinh tế tri thức", phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế", như Dự thảo Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng đã chỉ ra, để không chỉ góp phần phát huy tốt hơn các bộ phận cấu thành cơ cấu đó, mà còn góp phần lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, thì "văn minh" trong mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" mới được hiện thực hoá. □

(7) PGS.TS.Nguyễn Đình Tấn. *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*. Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005; PGS.TS.Trịnh Duy Luân. *Phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay*; Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 7, 2005, tr.58 - 61. *Đề tài Nhánh 05. Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới* do GS.TS.Đỗ Nguyên Phương làm chủ nhiệm.

(8) *Bản tin Hội đồng Lý luận Trung ương*, số 38, tháng 6 - 2005; *Việt Nam đang đứng ở đâu trong tương quan so sánh quốc tế?*